



*Chương 1 Tâm quan
trọng của kỹ năng
mềm và định hướng
nghề nghiệp*

GV: Lê Trung Hiếu



Mục tiêu của Chương 1

Sau khi học xong chương này người học sẽ có thể:

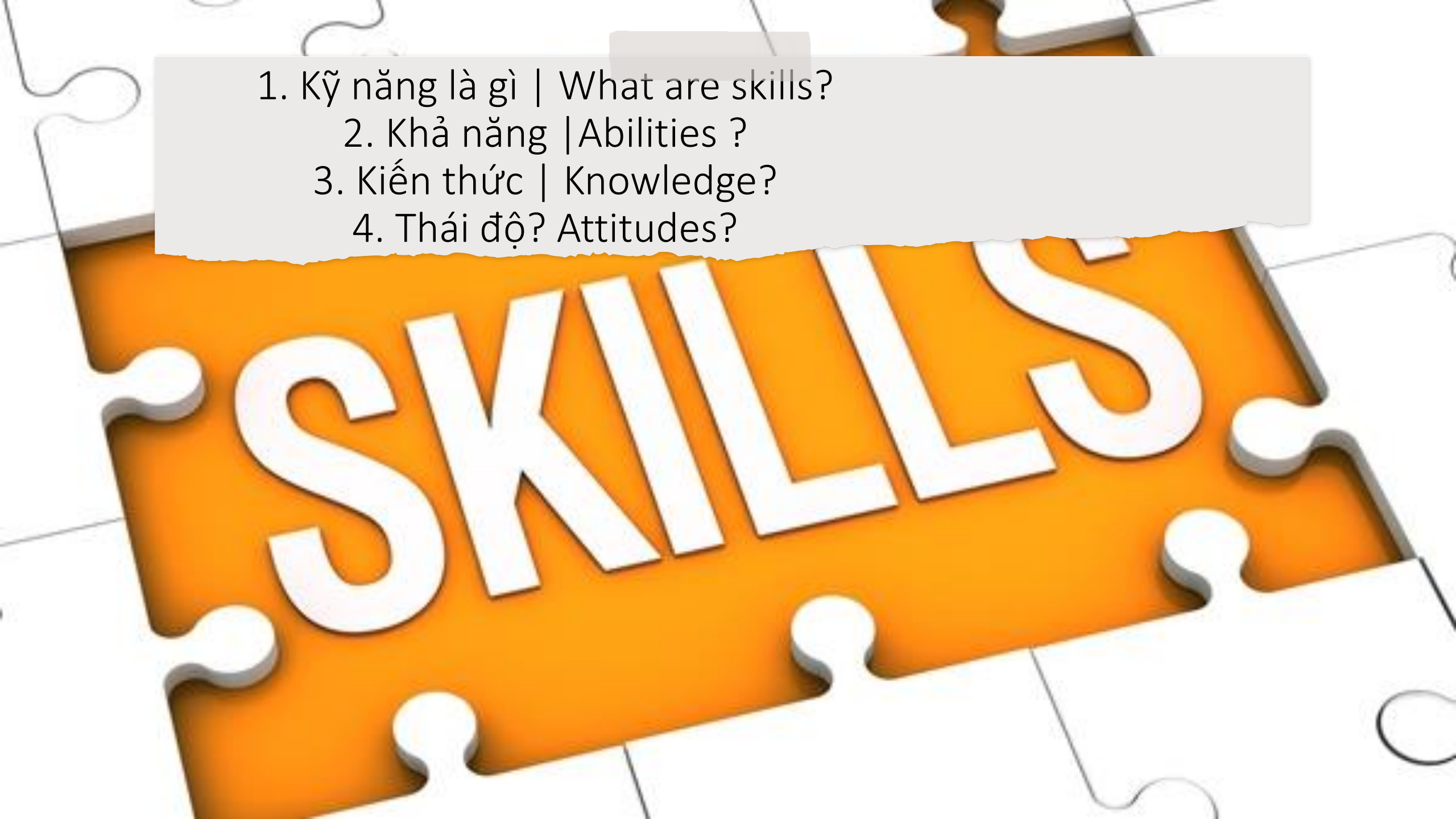
- Định nghĩa kỹ năng và kỹ năng mềm

- Nhận biết tầm quan trọng của kỹ năng mềm.

- Định hướng nghề nghiệp cho tương lai


Nội dung Chương 1

1. Khái niệm về kỹ năng
2. Tầm quan trọng của kỹ năng mềm
3. Định hướng nghề nghiệp

- 
1. Kỹ năng là gì | What are skills?
 2. Khả năng | Abilities ?
 3. Kiến thức | Knowledge?
 4. Thái độ? Attitudes?

Khái niệm kỹ năng

Theo từ điển Oxford, “kỹ năng” là khả năng để làm tốt một công việc nào đó thường có được qua đào tạo hoặc kinh nghiệm (the ability to do something well, usually gained through training or experience).



Theo đó, kỹ năng được hiểu là sự thành thạo, tinh thông về các thao tác, động tác trong quá trình hoàn thành một công việc cụ thể nào đó.

Giáo dục học,
kỹ năng được
phân chia
thành 2 bậc:
Kỹ năng bậc
thấp (bậc I) và
kỹ năng bậc
cao (bậc II).

- **Kỹ năng bậc thấp** là khả năng thực hiện đúng hành động, phù hợp với những mục tiêu và điều kiện cụ thể. Ở bậc này có những kỹ năng hình thành không cần qua luyện tập, nếu biết tận dụng hiểu biết và kỹ năng tương tự đã có để chuyển sang các hành động mới.
- **Kỹ năng bậc cao** là khả năng thực hiện hành động, hoạt động một cách thành thạo linh hoạt, sáng tạo phù hợp với những mục tiêu trong những điều kiện khác nhau. Để đạt tới kỹ năng này cần trải qua giai đoạn luyện tập các kỹ năng đơn giản, sao cho mỗi khi hành động, người ta không còn bận tâm nhiều đến thao tác nữa vì nhiều thao tác đã tự động hóa.

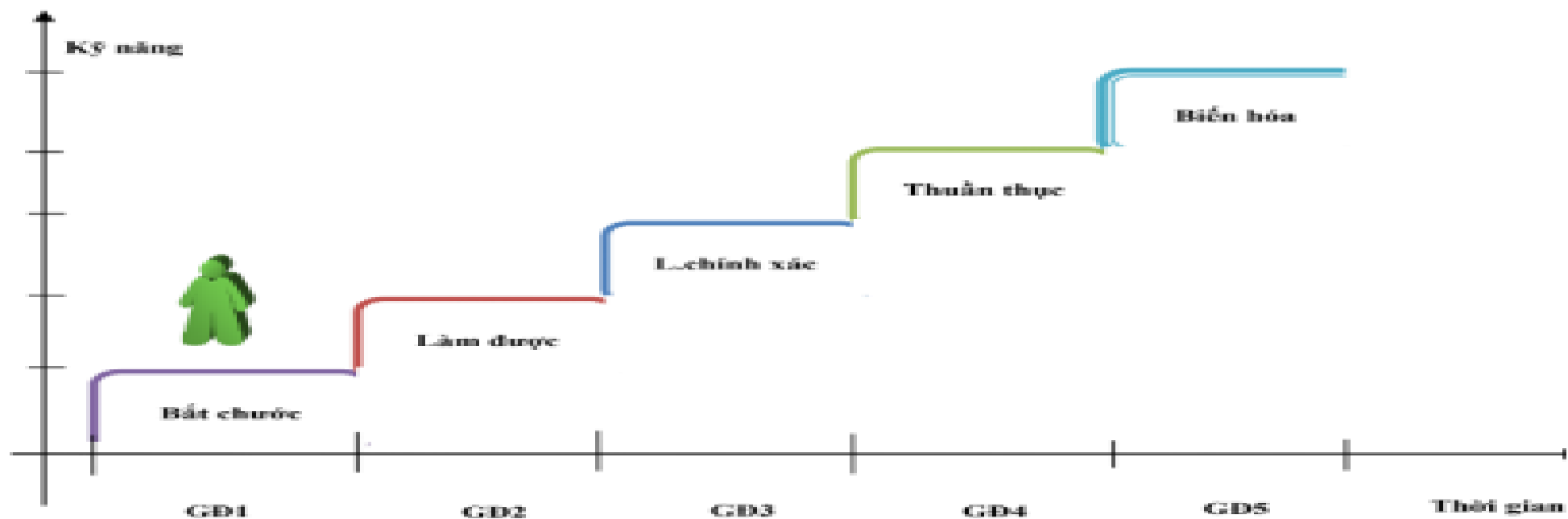
- Theo Tâm lý học, kỹ năng là khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết một nhiệm vụ
- Theo tác giả Đặng Thành Hưng, kỹ năng là dạng hành động tự giác, được thực hiện có kỹ thuật, dựa vào những điều kiện sinh học, tâm lý và xã hội ở cá nhân, và có kết quả nhất định đáp ứng mục tiêu hay chuẩn đã định trước.
- Có kỹ thuật tức là không tùy tiện, mà tuân theo trình tự, qui tắc và yêu cầu kỹ thuật. Trên thế giới, thuật ngữ kỹ năng đã được luật hóa trong nhiều đạo luật của nhiều quốc gia.

- Theo Đạo luật TESDA 1994 của Philippines, kỹ năng có nghĩa là khả năng được học và được thực hành để thực hiện một nhiệm vụ hay một công việc (Skill shall mean the acquired and practiced ability to carry out a task or job)
- Luật Phát triển kỹ năng nghề nghiệp của Malayxia cho rằng: Kỹ năng được hiểu là khả năng được học và được thực hành để thực hiện thành thạo một nhiệm vụ hay một công việc (skill means an acquired and practised ability to competently carry out a task or job)

Một số những đặc điểm về kỹ năng

- Kỹ năng có một số nội dung là những quá trình tâm lý, vì nó là tổ hợp của hàng loạt các yếu tố hợp thành như tri thức, kỹ năng, kỹ xảo đã có; khả năng chú ý, tư duy....;
- Kỹ năng có tính linh hoạt và có thể di chuyển từ hoàn cảnh này sang hoàn cảnh khác; kỹ năng có tính kĩ thuật, tức là có cấu trúc thao tác và trình tự tổ chức các thao tác đó;
- Kỹ năng được hình thành do luyện tập, được hình thành trong quá trình hoạt động của con người. Kỹ năng ở một hoạt động được thể hiện bằng những phẩm chất như tính chính xác, tốc độ thực hiện hành động, khả năng thực hiện độc lập công việc, tính linh hoạt, hành động hợp lý, trong các hoàn cảnh khác nhau.

Các giai đoạn hình thành kỹ năng



Kỹ năng được hình thành qua 05 giai đoạn

Giai đoạn 1 (bắt chước): Hình thành kỹ năng sơ bộ (giai đoạn bắt chước): Hành động theo mẫu, khi điều kiện làm việc thay đổi thì gặp nhiều sai sót hoặc không hoàn thành công việc.

Giai đoạn 2 (làm được): Hiểu nhiệm vụ, quy trình làm việc nhưng còn có những sai sót, thời gian hoàn thành chậm và đôi khi còn cần có sự chỉ dẫn.

Giai đoạn 3 (làm chính xác): Làm việc theo quy trình, chính xác và hoàn thiện công việc nhanh chóng.

Giai đoạn 4 (hình thành kỹ xảo): Kỹ năng được tự động hoá, trên cơ sở đó hình thành nên kỹ xảo.

Giai đoạn 5 (làm biến hóa): Thể hiện khả năng di chuyển kỹ năng sang các tình huống mới hoặc hình thành các kỹ năng phức tạp

+

○

*“Kỹ năng
là năng lực hay khả năng
của chủ thể thực hiện thuần thục
một hay một chuỗi hành động
trên cơ sở hiểu biết (kiến thức
hoặc kinh nghiệm) nhằm tạo ra
kết quả như mong đợi”.*

●

- Sự khác nhau giữa kỹ năng và phản xạ?
 - Sự khác nhau giữa kỹ năng và thói quen?
 - Sự khác nhau giữa kỹ năng và kiến thức ?
-

Sự khác nhau
giữa kỹ năng
và phản xạ?

Phản xạ là phản ứng của cơ thể với môi trường. Phản xạ mang tính thụ động.

Kỹ năng là phản ứng có ý thức và hoàn toàn mang tính chủ động

Ví dụ: đám cháy

Sự khác nhau giữa kỹ năng và thói quen?

Thói quen hình thành một cách vô thức và khó kiểm soát.

Kỹ năng hình thành một cách có ý thức và phải trải qua tập luyện

Sự khác nhau giữa kỹ năng và kiến thức ?

Kiến thức là biết, là hiểu nhưng có thể chưa, không bao giờ làm.

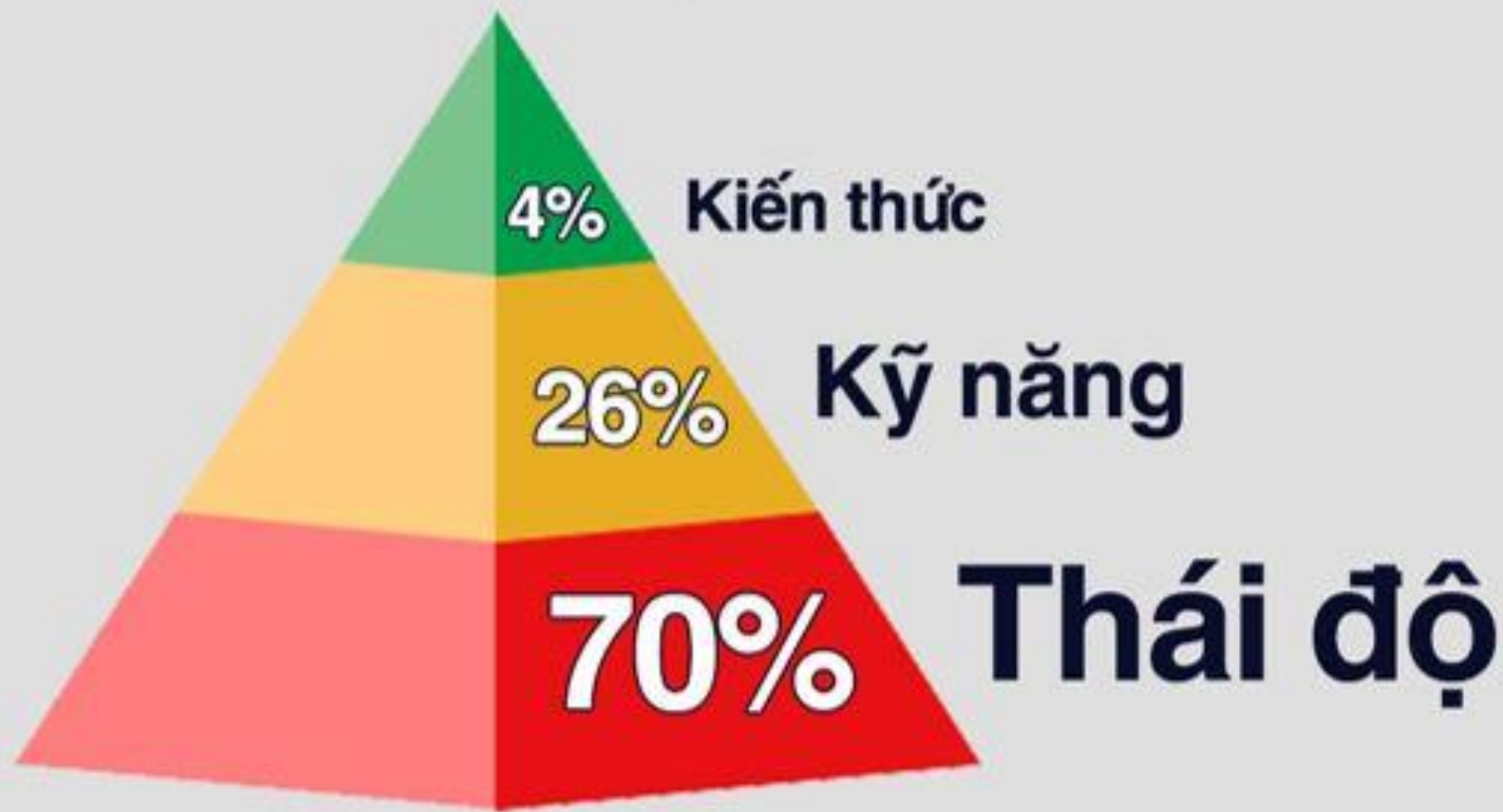
Kỹ năng là hành động thuần thực dựa trên nền tảng kiến thức

Xem xét một số ví dụ sau:

1. Ngủ dậy trễ
2. Đánh máy nhanh
3. Shopping online
4. Thức khuya
5. Làm việc nhóm
6. Lắng nghe
7. Lãnh đạo



THÁI ĐỘ
— quan trọng hơn —
TRÌNH ĐỘ



The image features the words "Soft Skills" in a large, white, sans-serif font. The word "Soft" is positioned on a blue rectangular background, while "Skills" is on a green rectangular background. The blue background is slightly offset to the left and top, creating a layered effect. The entire graphic is set against a white background.

Soft Skills

- Kỹ năng mềm?

Kỹ năng cứng?

**HARD
SKILLS?**



Tầm quan trọng?
Sự khác biệt?


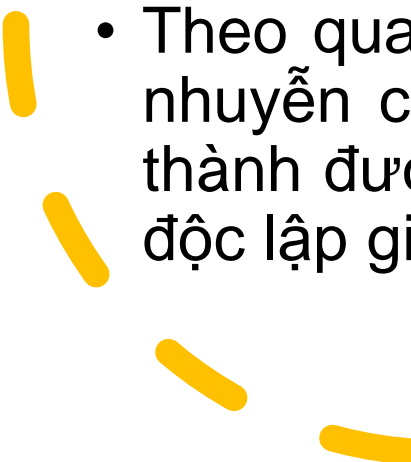
Kỹ năng
cứng

Kỹ năng
mềm



Kỹ năng nghề nghiệp là gì?

**SKILLS TO
WORK**

- 
- **Kỹ năng nghề nghiệp (professional skills hoặc vocational skills)** là thuật ngữ có nguồn gốc từ thuật ngữ kỹ năng (skill), nhưng nội hàm được mở rộng theo hướng khả năng và năng lực thực hiện của con người.
 - “**Năng lực thực hiện**” là thuật ngữ được dịch từ tiếng Anh (**Competency hay Competence**) dùng trong các tài liệu của nhiều tác giả trình bày về quan điểm giáo dục, đào tạo theo tiếp cận năng lực thực hiện.
 - Theo quan niệm này, năng lực thực hiện được coi là sự tích hợp nhuần nhuyễn của ba thành tố **kiến thức, kỹ năng, thái độ** cần thiết để hoàn thành được từng công việc cụ thể của nghề, chứ không phải là sự tồn tại độc lập giữa chúng với nhau và ít liên quan đến công việc của nghề
- 

Kỹ năng hướng tới thao tác, khả năng hoạt động cụ thể. Kỹ năng theo nghĩa hẹp chỉ là một thành tố của năng lực (năng lực bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ).

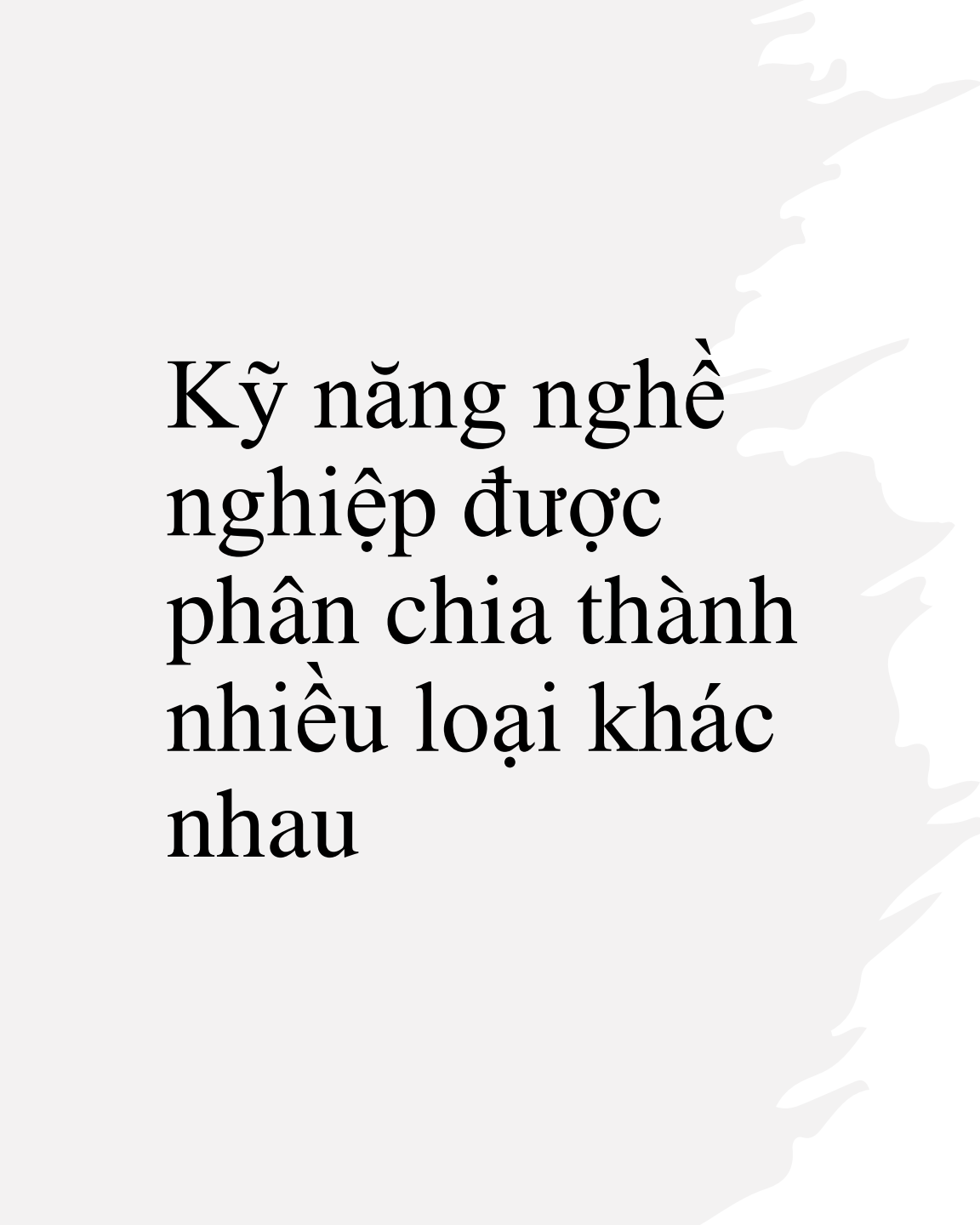
Kỹ năng nghề nghiệp được hiểu theo nghĩa rộng hướng tới khả năng, năng lực thực hiện hành động của con người trong các lĩnh vực nghề nghiệp.

- Trong hoạt động nghề nghiệp, con người luôn biểu hiện những khả năng nhất định để thực hiện công việc nào đó.
- Khi thực hiện những hoạt động ấy, con người cần phải có tri thức, kinh nghiệm cần thiết tương ứng với hoạt động, có khả năng tập trung chú ý, tư duy, tưởng tượng. Có làm như vậy, con người mới thực hiện hoạt động theo mục đích.
- Tất cả những yếu tố đó biểu hiện khả năng thực hiện hoạt động nghề nghiệp của con người. Có người gọi đó là kỹ năng nghề nghiệp, có người gọi là năng lực nghề nghiệp, có người đơn giản chỉ gọi là kỹ năng.



Kỹ năng nghề nghiệp (professional skills)

- Kỹ năng nghề nghiệp được hiểu là khả năng của con người thực hiện công việc nghề nghiệp một cách có hiệu quả trong một thời gian thích hợp, với các điều kiện nhất định, dựa vào sự tích hợp nhuần nhuyễn các kiến thức, kỹ năng, thái độ.



Kỹ năng nghề
nghiệp được
phân chia thành
nhiều loại khác
nhau


- Nếu căn cứ vào mức độ biểu hiện của kỹ năng
- *Kỹ năng chung*, là loại kỹ năng biểu hiện ở mọi hoạt động của con người như kỹ năng sử dụng các công cụ lao động, kỹ năng học tập, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu...;
- *Kỹ năng riêng*, là kỹ năng trong hoạt động nghề nghiệp nhất định nào đó. Ở mỗi nghề, tùy thuộc vào từng trình độ, đòi hỏi người lao động phải có các kỹ năng tương ứng;

Nếu căn cứ vào mức độ quan trọng của kỹ năng

Kỹ năng cơ bản: Gồm những kỹ năng áp dụng để làm việc nói chung không dành riêng cho một nghề hoặc một ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;



Kỹ năng chung: Gồm những kỹ năng có thể áp dụng chung cho nhiều lĩnh vực, ngành nghề có liên quan;

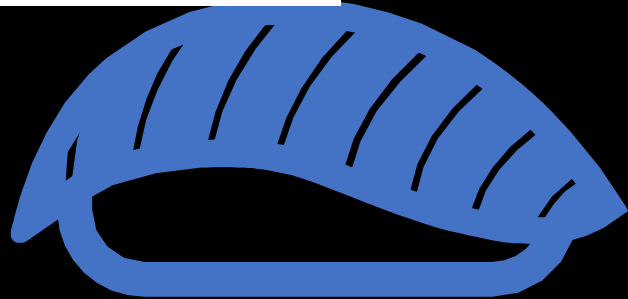
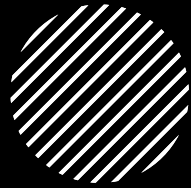


Kỹ năng cốt lõi: Gồm những kỹ năng cần thiết, bắt buộc phải có để được công nhận là có trình độ nghề nghiệp nhất định nào đó.

Nếu căn cứ vào tính chất của kỹ năng

- **Kỹ năng cứng (hard skill)** là kỹ năng chuyên môn nghề - kỹ năng kỹ thuật cụ thể như khả năng học vấn trình độ chuyên môn cho mỗi công việc, ngành nghề nhất định và kinh nghiệm.
- **Kỹ năng mềm (soft skill)**, thường hiểu là các kỹ năng không mang tính kỹ thuật (hay còn gọi là Kỹ năng thực hành xã hội) là thuật ngữ liên quan đến trí tuệ xúc cảm dùng để chỉ các kỹ năng quan trọng trong cuộc sống con người.

Phát triển kỹ
năng nghề
nghiệp là gì?



- Phát triển?
- Có quan niệm cho rằng “phát triển” là “vận động”, có quan niệm “phát triển” là “tiến bộ”...

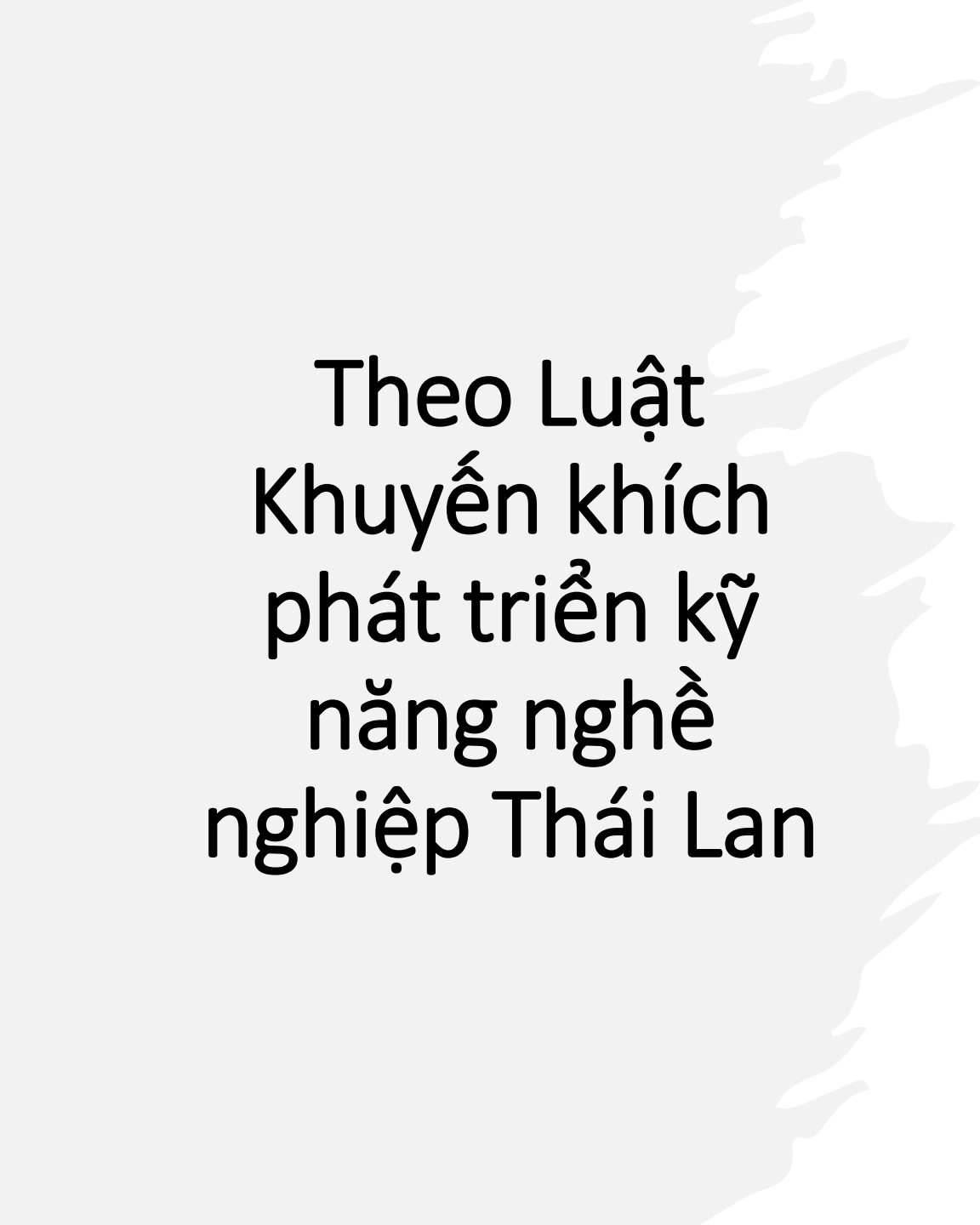
- Khái niệm phát triển dùng để chỉ quá trình vận động theo chiều hướng đi lên của sự vật, hiện tượng, từ trình độ thấp lên trình độ cao từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện; cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ ra đời thay thế cái lạc hậu.

Theo triết học
Mác - Lênin



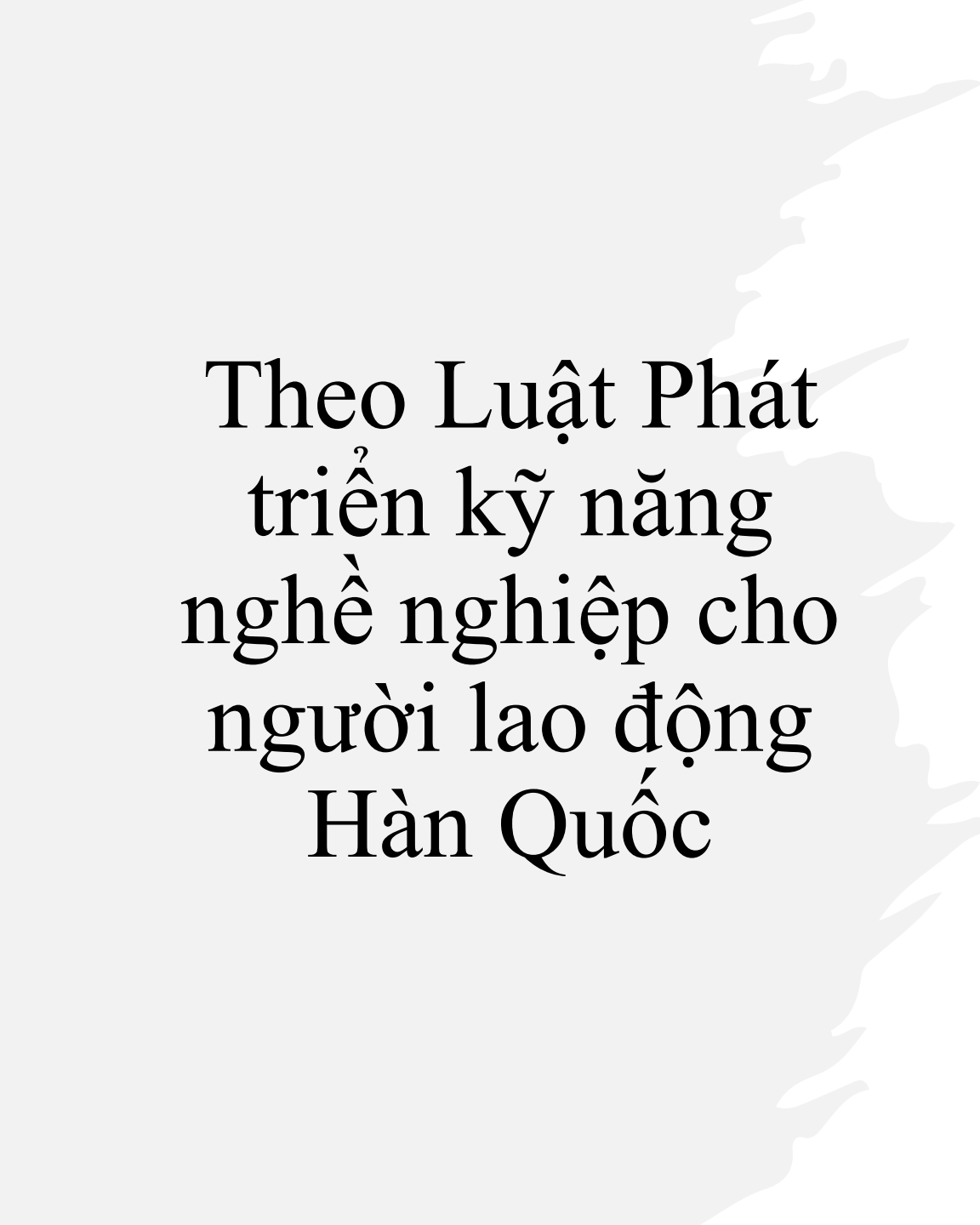
Theo Đạo luật TESDA 1994 của Philippines

- Phát triển kỹ năng là một quá trình qua đó người học và người lao động được tiếp cận một cách có hệ thống với các cơ hội học tập để lĩnh hội hoặc bồi dưỡng, hoặc cả hai về kiến thức, kỹ năng và cách thức ứng xử cần có như là điều kiện tiêu chuẩn cần thiết của một công việc hoặc một loạt công việc trong một lĩnh vực ngành nghề.



Theo Luật
Khuyến khích
phát triển kỹ
năng nghề
nghiệp Thái Lan

- "Phát triển kỹ năng" có nghĩa là một quá trình mà cho phép học viên và những người trong độ tuổi lao động có được kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp, thái độ làm việc tốt bằng cách đào tạo và các hoạt động liên quan khác.



Theo Luật Phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động Hàn Quốc

- Phát triển kỹ năng nghề nghiệp có nghĩa là hoạt động đào tạo cho người lao động để giúp cung cấp và cải thiện năng lực thực hiện cần thiết cho công việc của họ.
- “Phát triển kỹ năng nghề nghiệp” nhằm phát triển các phương tiện và các khoá đào tạo phát triển kỹ năng nghề và tiến hành các cuộc điều tra hay nghiên cứu về phát triển kỹ năng nghề.

Vậy có thể
hiểu Phát triển
kỹ năng nghề
nghiệp là...

- Phát triển kỹ năng nghề nghiệp (skills development hay vocational skills development) là quá trình đào tạo hình thành, nâng cao khả năng thực hiện công việc nghề nghiệp của con người trong một thời gian thích hợp, với các điều kiện nhất định, trên cơ sở sự tích hợp nhuần nhuyễn các kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Nghĩa hẹp, phát triển kỹ năng nghề nghiệp là quá trình đào tạo, đào tạo lại, trang bị hoặc bổ sung thêm những kiến thức, kỹ năng và thái độ (năng lực) cần thiết để mỗi con người có cơ hội tìm việc làm, hoặc để hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ mà họ đang làm.

- Nghĩa rộng hơn, phát triển kỹ năng nghề nghiệp được hiểu là phương châm và biện pháp mang tính toàn diện, hệ thống về việc đào tạo lực lượng lao động với những kỹ năng, kỹ thuật và trình độ nhất định để họ có thể tiếp cận với công việc trong thị trường lao động.
- Phát triển kỹ năng nghề nghiệp là phát triển cả hệ thống đào tạo nghề nghiệp thể hiện từ đường lối, quan điểm đến mạng lưới cơ sở đào tạo, đội ngũ giáo viên, chương trình, giáo trình nhưng tập trung vào người học sau quá trình đào tạo.

Khác biệt giữa phát triển kỹ năng
nghề nghiệp phát triển đào tạo nghề
nghề nghiệp?

Đào tạo nghề nghiệp là
đặt trọng tâm vào đầu
vào (nhà cung cấp),
trọng tâm vào nhà
trường và giáo viên,...

Phát triển kỹ năng nghề
nghề nghiệp là quan tâm tới
đầu ra (người học sau
quá trình đào tạo), lấy
người học là trung tâm.

Thế còn điểm chung?

Đều là quá trình đào tạo để hình thành và phát triển kỹ năng cho người học.

Kỹ năng ở đây được hiểu là kỹ năng nghề nghiệp, năng lực nghề nghiệp chứ không phải kỹ năng của các thao động tác đơn lẻ.

Câu hỏi ôn tập:

1. Vai trò của kỹ năng đối với sinh viên?
2. Lợi ích của việc định hướng nghề nghiệp?
3. Định hướng nghề nghiệp bắt đầu từ đâu?